

Số: 454/2020/QĐST-HNGĐ

*Thành phố H, ngày 01 tháng 9 năm 2020*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 118 và 119 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 264/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. **Anh Trần Duy Q**, sinh năm: 1990; địa chỉ: đường J, phường A, thành phố H, tỉnh T.

2. **Chị Dương Hồng N**, sinh năm: 1989; địa chỉ: đường J, phường A, thành phố H, tỉnh T.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 8 năm 2020.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Duy Q và chị Dương Hồng N thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh Trần Duy Q và chị Dương Hồng N xác nhận trong quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên là: Trần Gia R, sinh ngày 17/12/2013.

Anh Q, chị N thoả thuận: Giao con chung Trần Gia R cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi); anh Q không phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Trần Duy Q và chị Dương Hồng N xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh Trần Duy Q và chị Dương Hồng N phải chịu 300.000 đồng lệ phí việc Hôn nhân gia đình; được khấu trừ hết vào số tiền 300.000 đồng mà anh Q chị N đã nộp đủ theo Biên lai số AA/2013/009857 ngày 25/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Duy Q và chị Dương Hồng N thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung Trần Gia R, sinh ngày 17/12/2013 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi); anh Q không phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Về tài sản chung: Anh Q và chị N xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh Q và chị N xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Trần Duy Q và chị Dương Hồng N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) lệ phí việc Hôn nhân gia đình; được khấu trừ hết vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mà anh Q, chị N đã nộp đủ theo Biên lai số AA/2013/009857 ngày 25/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

### **Nơi nhận:**

- VKSND TP Huế;
- TAND Tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Chi cục THADS TP Huế;
- Các đương sự;
- UBND phường A, TP H (ĐKKH số 101, ngày 08/8/2013);
- Lưu án;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

### **THẨM PHÁN**

